

Unit 6. Stand up!

A. Structure - Cấu trúc

I. Câu mệnh lệnh

●, please!

Vui lòng.....

1	● Stand up, (please)!	● Đứng lên!
2	● Sit down, (please)!	● Ngồi xuống!
3	● Go out, (please)!	● Ra ngoài!
4	● Come in, (please)!	● Mời vào!
5	● Come here, (please)!	● Lại đây!
6	● Be quiet, (please)!	● Giữ trật tự.
	● Don't talk, (please)!	● Không nói chuyện!
7	● Open your book, (please)!	● Mở sách ra!
8	● Close your book, (please)!	● Đóng sách vào!
9	● Listen to me, (please)!	● Lắng nghe tôi nào!
10	● Read aloud, (please)!	● Đọc to lên!
11	● Speak aloud, (please)!	● Nói to lên!

II. Tôi có thể...không?

• May = Can • I • you • V - Verb • yes • no • not	• có thể • tôi • bạn • Động từ Động từ là những từ chỉ hành động hoặc trạng thái của người hoặc vật. • được, phải • không được, không phải • không
• May I + V? → Yes, you can. → No, you can't. cannot = can't	• Tôi có thể...không? → Được. → Không được.
*Example: • May I go out? → Yes, you can. → No, you can't. • May I come in? → Yes, you can. → No, you can't. • May I speak? → Yes, you can. → No, you can't.	*Ví dụ: • Tôi có thể ra ngoài không? → Được. → Không được. • Tôi có thể vào không? → Được. → Không được. • Tôi có thể nói chút không? → Được. → Không được.

B. New words - Từ mới

- Các động từ chỉ hành động:

1	stand up	đứng lên
2	sit down	ngồi xuống
3	go out	ra ngoài
4	come • come in • come here	đến, đi đến • đi vào • đi lại đây
5	talk	nói chuyện
6	open • open the book	mở • mở sách
7	close • close the book	đóng • đóng sách
8	listen • listen to me	nghe • lắng nghe tôi
9	speak	nói
10	read	đọc
11	write	viết
12	ask • ask a question	hỏi • hỏi một câu hỏi
13	answer • answer the question	trả lời • trả lời câu hỏi

C. Phonics - Ngữ âm

Cc /k/	Dd /d/
come (đến)	read (bố, cha)
lucky (kia)	garden (khu vườn)
picnic (buổi dã ngoại)	stand (đứng)

1. May I come in? → Yes, you can.	Tôi có thể vào không? → Được.
2. Good luck to you!	Chúc bạn may mắn!
3. I like going on a picnic.	Tôi thích đi dã ngoại.
4. Read aloud!	Đọc to lên!
5. This is my garden.	Đây là khu vườn của tôi.
6. Stand up, please!	Vui lòng đứng lên!

___The end___